

KẾ HOẠCH
Thực hiện chương trình Giáo dục Phổ thông 2018
Năm học 2025-2026

Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 1557/SGDĐT-GDPT ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 2172/SGDĐT-GDPT ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn chuyên môn giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch số 85/2025/KH-PENN ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Trường Tiểu học – Trung học cơ sở Pennschool về Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch số ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Trường Tiểu học – Trung học Pennschool về Kế hoạch thực hiện chương trình nhà trường năm học 2025-2026;

Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Pennschool xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 năm học 2025-2026 với nội dung như sau:

I. THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

- Hiệu trưởng tổ chức cho giáo viên tiếp tục nghiên cứu, thảo luận CTGDPT 2018 trong sinh hoạt chuyên môn định kỳ và đưa vào kế hoạch, nội dung học tập bồi dưỡng thường xuyên của cá nhân; đảm bảo các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện CTGDPT 2018 đối với tất cả các khối lớp một cách chủ động, có kế hoạch.

- Tổ chuyên môn thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục từng khối lớp theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về hướng dẫn xây dựng kế hoạch nhà trường cấp tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tùy thuộc điều kiện thực tế nhà trường, địa phương và đối tượng học sinh để linh hoạt điều chỉnh thời lượng điều chỉnh bổ sung nội dung dạy học cho phù hợp hơn.

- Giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn Phụ lục 3 CV 2345 gồm: yêu cầu cần đạt (cần xác định rõ học sinh thực hiện được việc gì, vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống, có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì); đồ dùng dạy học cần chuẩn bị; hoạt động dạy học chủ yếu (tổ chức hoạt động dạy học linh hoạt, sáng tạo, đa dạng theo tính chất dài học, đặc điểm môn học, hoạt động giáo dục và phù hợp đối tượng học sinh) và điều chỉnh sau bài dạy (nếu có). Thiết kế kế hoạch bài dạy khoa học, thể hiện tinh thần đổi mới, sáng tạo của giáo viên.

- Tổ chức chuyên đề các môn học ở các khối theo CTGDPT 2018, triển khai lại các chuyên đề cấp thành phố để giáo viên hiểu sâu sắc hơn chương trình, nắm được những điểm mới, nâng cao hiệu quả dạy và học các môn học trong nhà trường.



- Phó hiệu trưởng lập kế hoạch cụ thể về việc tăng cường dự giờ, thăm lớp, rà soát việc thực hiện nội dung các chuyên đề chuyên môn của nhà trường và giáo viên với tinh thần góp ý, không hướng đến việc kiểm tra, đánh giá, nhằm nắm vững tình hình thực tế, từ đó có những hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn phù hợp và kịp thời.

II. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

- Thực hiện từng môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn tại các Phụ lục đính kèm.:

- Về tập, vở học sinh: thống nhất sử dụng 3 loại vở:
+ Vở Toán: Dùng ghi chép các kiến thức liên quan đến môn Toán và làm bài tập luyện tập Toán.

+ Vở Tiếng Việt: Dùng ghi chép các kiến thức liên quan đến môn Tiếng Việt.

+ Vở Bài học: Dùng ghi các môn còn lại.

- Lưu ý:

+ Học sinh có thể viết Phiếu đọc sách hoặc Nhật kí đọc sách vào vở Tiếng Việt.

+ Đối với lớp 4 và lớp 5, khuyến khích học sinh nghe – ghi một số nội dung quan trọng trong bài giảng của giáo viên vào vở Tiếng Việt.

+ Trong trường hợp học sinh đã sử dụng Vở bài tập Tiếng Việt thì không bắt buộc có thêm vở ô li của môn Tiếng Việt.

+ Riêng lớp 1 không bắt buộc phải có Vở Bài học, khuyến khích học sinh lớp 1 sử dụng Vở Bài học từ giữa học kì II của năm học.

- Thực hiện hiện đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.

- Tăng cường việc đánh giá thường xuyên (lời nói, nhận xét tập vở, sản phẩm của học sinh; thông tin trao đổi với cha mẹ học sinh bằng các hình thức phù hợp,...) để có biện pháp giúp đỡ, động viên học sinh trong quá trình học tập, rèn luyện và phát triển năng lực, phẩm chất nhằm hỗ trợ, điều chỉnh kịp thời, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học. Lựa chọn hình thức lưu trữ minh chứng đánh giá thường xuyên phù hợp.

- Kết quả đánh giá thường xuyên được tổng hợp từ đánh giá của giáo viên các môn học khác, từ bản thân học sinh được đánh giá và từ các học sinh khác trong tổ, trong lớp hoặc đánh giá của cha mẹ học sinh. Ngoài ra, kết quả phải được ghi nhận thông qua các tình huống dạy học trong thực tế, sử dụng các câu hỏi (có thể yêu cầu trả lời nói hoặc viết) đòi hỏi học sinh vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề, đặc biệt các vấn đề thực tiễn; sử dụng phương pháp quan sát (như bảng kiểm theo các tiêu chí đã xác định), quan sát học sinh trong quá trình giải quyết vấn đề; đánh giá qua các sản phẩm thực hành của học sinh.

- Việc đánh giá kết quả giáo dục học sinh được kết hợp cả đánh giá định kì và đánh giá thường xuyên. Giáo viên căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và yêu cầu cần đạt để đánh giá định kì về học tập một cách chính xác, công bằng, khách quan đối với từng môn học, hoạt động giáo dục theo 4 mức độ (Hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành, chưa hoàn thành) ghi nhận và coi trọng quá trình tiến bộ của từng học sinh. Đối với các môn học có bài kiểm tra định kì, không dùng kết quả bài kiểm tra để đánh giá định kì mà cần căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên, quá trình tiến bộ hoặc giảm sút trong học tập của từng học sinh để đánh giá. Tuyệt đối không được dùng kết quả kiểm tra định kì để phiên về kết quả đánh giá thường xuyên.

- Thực hiện đánh giá thường xuyên và định kì môn học theo quy định; khuyến khích giáo viên bổ sung câu hỏi, bài tập mức độ 3 trong các bài dạy để phát triển năng lực của học sinh; có kế hoạch triển lãm, giới thiệu sản phẩm học tập của học sinh.

- Đặc biệt chú trọng việc xây dựng ma trận, thiết kế đề kiểm tra định kì môn học theo quy định, theo hướng phát triển năng lực học sinh. Xây dựng ma trận kiểm tra định kì cho cả năm học, từ đó xác định những kiến thức, kĩ năng cần đánh giá ở mỗi kì kiểm tra. Chú trọng thiết kế câu hỏi, bài tập yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng được học; hình thức câu hỏi đa dạng; tránh những câu hỏi, bài tập có đáp án không tường minh. Về hình thức, bài kiểm tra định kì cần được thiết kế khoa học, tích hợp các nội dung kiểm tra, tránh rườm rà.

1. Tổ chức dạy học tích hợp các nội dung giáo dục quyền con người, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở, tổ chức dạy và học về tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước, tổ chức giáo dục kỹ năng công dân số, văn hóa giao thông.

1.1. Tích hợp các nội dung giáo dục quyền con người.

Thực hiện theo Quyết định số 4746/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Khung nội dung giáo dục quyền con người trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục cấp tiểu học. Tùy theo nội dung dạy học, giáo viên xây dựng kế hoạch lồng ghép, tích hợp toàn phần, bộ phận hoặc liên hệ vào một số môn học, hoạt động giáo dục. Giáo viên có thể đưa nội dung giáo dục quyền con người thành một nội dung của hoạt động trải nghiệm, tập thể hoặc Tổ chức các bài học riêng về nội dung quyền con người theo chủ đề, bài học.

1.2. Tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học trong các môn học

-Thực hiện theo Quyết định số 4246/QĐ-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt tài liệu hướng dẫn giáo viên tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học trong các môn học. Đối với học sinh tiểu học, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống đơn giản là giáo dục đạo đức, pháp luật, làm cho học sinh có tinh thần yêu nước, say mê học tập, có ý thức tổ chức kỷ luật, kính thầy, yêu bạn, có nếp sống lành mạnh, biết tôn trọng pháp luật. Giáo viên có thể tổ chức thực hiện thông qua dạy học các môn học có tiềm năng hoặc thông qua các hoạt động giáo dục (Trong, ngoài nhà trường, trải nghiệm, giáo dục theo chủ đề, sinh hoạt câu lạc bộ...)

-Dạy học các nội dung về Bác Hồ, triển khai giảng dạy các giáo trình, tài liệu về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong chương trình chính khóa; sử dụng bộ tài liệu “Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh” lồng ghép trong giảng dạy các môn học và trong các hoạt động giáo dục khác, hoạt động Đội

1.3. Tổ chức dạy và học về tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước

-Thực hiện theo Quyết định số 4670/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt tài liệu hướng dẫn tổ chức dạy và học về tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước đối với cấp tiểu học. Giáo viên có thể tham khảo tài liệu Chương trình Mizuiku Em yêu nước sạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo và công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam phối hợp tổ chức, tổ chức nghiên cứu, xây dựng kế hoạch bài dạy có tích hợp các nội dung phù hợp.

-Dạy học lồng ghép nội dung giáo dục môi trường, các trường học đưa nội dung tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường vào trong các bài giảng, sinh hoạt chuyên đề, ngoại khóa. Lồng ghép giáo dục về bảo vệ môi trường trong các bài học và các hoạt động thực tiễn để dần tạo thói quen và có ý thức cho học sinh.

1.4. Tổ chức giáo dục kỹ năng công dân số

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện giáo dục kỹ năng Công dân số theo Công văn số 3899/QĐ-BGDĐT 30/7/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng Công dân số cấp tiểu học. Trang bị kỹ năng công dân số giúp học sinh có kỹ năng và năng lực học tập, sống và làm việc an toàn, hiệu quả trong môi trường số ngày càng phát triển trên cơ sở Khung năng lực số dành cho học sinh phổ thông.

- Nhà trường thực hiện theo các hình thức tổ chức phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường thực hiện CTGDPT 2018 như: Dạy học môn Tin học thực hiện CTGDPT 2018; Giáo dục kỹ năng công dân số tích hợp trong dạy học các môn học ở tiểu học; Dạy học tăng cường nội dung giáo dục kỹ năng công dân số; Tổ chức câu lạc bộ giáo dục kỹ năng công dân số.

1.5. Dạy học các nội dung văn hóa giao thông

- Tiếp tục sử dụng các tài liệu giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh tiểu học để thực hiện việc giáo dục an toàn giao thông cho học sinh trong trường tiểu học.

- Các nội dung trên được vận dụng lồng ghép trong các môn học, giờ sinh hoạt chủ nhiệm/ hoạt động trải nghiệm và trong các hoạt động giáo dục khác

2. Dạy học lồng ghép nội dung quốc phòng và an ninh

- Thực hiện nội dung dạy học giáo dục quốc phòng và an ninh được thực hiện lồng ghép thông qua nội dung các bài trong các môn học theo hướng dẫn tại Thông tư 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 về hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh.

- Giáo viên thực hiện lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh một cách truyền cảm, ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu, tự nhiên, hợp lý, phù hợp với đặc điểm và trình độ của học sinh; chú trọng kết hợp các hình ảnh minh họa; tổ chức cho học sinh tham quan bảo tàng, nhà truyền thống..., nghe nhân chứng lịch sử kể chuyện và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, chơi các trò chơi dân gian.

3. Tổ chức hoạt động Giáo dục STEM

- Tiếp tục tổ chức thực hiện các hoạt động về giáo dục STEM theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tại công văn số 1910/SGDDĐT-GDTH ngày 24/4/2023 về hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM theo công văn số 909/BGDĐT-GDTH. Nhà trường thực hiện đầy đủ cả ba hình thức giáo dục STEM: Bài học STEM, Trải nghiệm STEM và làm quen với nghiên cứu khoa học, kỹ thuật.

- Tổ chức cho giáo viên cốt cán triển khai nội dung Bài học STEM đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng tài liệu tập huấn; sử dụng tài liệu, học liệu, xuất bản phẩm đã được thẩm định/phê duyệt/đánh giá. Xem hướng dẫn chi tiết tại đính kèm.

III. SÁCH GIÁO KHOA, TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Về sách giáo khoa

- Nhà trường tiếp tục sử dụng sách giáo khoa đã lựa chọn, giáo viên chủ động rà soát, điều chỉnh ngữ liệu của bài học/chủ đề trong sách giáo khoa để phù hợp với thực tiễn sắp xếp địa giới hành chính và chính quyền địa phương hai cấp. Đối với các môn học chịu tác động trực tiếp từ việc thay đổi địa giới hành chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ thực hiện các bước theo quy định để chỉnh sửa chương trình môn học làm căn cứ để thực hiện chỉnh sửa sách giáo khoa.

- Thực hiện việc lựa chọn, sử dụng hiệu quả sách giáo khoa tại nhà trường đúng quy định và đảm bảo cung cấp sách giáo khoa kịp thời cho năm học 2025 - 2026, thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác quản lý về lựa chọn, hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa trong nhà trường.

- Thực hiện mua sắm đầy đủ số lượng sách giáo khoa (theo danh mục được Bộ GDĐT phê duyệt) cho thư viện. Tổ chức, vận động mọi lực lượng xã hội trao tặng sách giáo khoa cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; vận động học sinh tặng sách giáo khoa đã qua sử dụng (còn tốt) cho thư viện để học sinh mượn sử dụng, đảm bảo 100% học sinh có đủ sách giáo khoa

2. Về tài liệu tham khảo

Thực hiện việc sử dụng tài liệu tham khảo cho các môn học trong nhà trường theo Thông tư 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; nhà trường thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 643/CT-BGDĐT ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng sách giáo khoa và sách tham khảo trong các cơ sở giáo dục phổ thông và công văn số 2253/SGDĐT-VP ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 7 643/CT-BGDĐT, ngày 10/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong quá trình cung ứng SGK hỗ trợ phụ huynh học sinh. Từ đó, có định hướng việc lựa chọn, sử dụng tài liệu tham khảo, bổ trợ, phần mềm,... phù hợp, đáp ứng định hướng phát triển năng lực theo CTGDPT 2018 và đã được Sở GDĐT đánh giá chất lượng.

IV. CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG

- Ban giám hiệu, các đoàn thể chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông về kế hoạch giáo dục của nhà trường, các hình thức tổ chức dạy học môn học lựa chọn phù hợp. Tổ chức truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, định hướng các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông tại nhà trường; nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin để đáp ứng yêu cầu truyền thông của Ngành; đẩy mạnh truyền thông về nội dung, giải pháp, lộ trình và điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông để tạo sự đồng thuận giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

- Phổ biến các Thông tư, quy định, Quy chế kiểm tra đánh giá và cung cấp các thông tin về việc kiểm tra, đánh giá cho học sinh và cha mẹ học sinh; thiết lập các hình thức thông tin, liên lạc và tăng cường thực hiện chuyển đổi số để công tác phối hợp giữa gia đình và nhà trường được hiệu quả.

- Hướng dẫn cha mẹ học sinh và học sinh chuẩn bị các điều kiện học tập thích ứng với việc nhà trường triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án “Giáo dục thông minh và học tập suốt đời tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030”, Quyết định số 1270/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025, Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn Quốc tế Giai đoạn 2021 - 2030 và nhất là đẩy mạnh việc tổ chức dạy học trên lớp kết hợp với việc tổ chức cho học sinh học tập trên Internet qua các hệ thống quản lý học tập (LMS).

- Khuyến khích đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục viết bài và đưa tin các hoạt động của Ngành về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông, gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của nhà trường,... để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng:



- Triển khai tập huấn cán bộ quản lý và giáo viên, bảo đảm cho cán bộ quản lý, giáo viên hiểu rõ hơn về Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Trên cơ sở nhu cầu học tập của học sinh và điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, nhà trường xây dựng các hình thức tổ chức dạy học nhất là đối với các môn học lựa chọn phù hợp.

- Xây dựng Kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.

2. Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn

- Tăng cường công tác kiểm tra việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; đổi mới công tác quản lý; giảm hồ sơ, sổ sách; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và tạo môi trường làm việc sáng tạo cho giáo viên.

3. Giáo viên

Dựa vào các phụ lục kèm theo Kế hoạch để tham khảo trong việc xây dựng Kế hoạch dạy học các môn học, Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, Kế hoạch giáo dục của giáo viên, Kế hoạch bài dạy.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018 của Trường Tiểu học – Trung học cơ sở Pennschool năm học 2025-2026. Hiệu trưởng đề nghị Phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn triển khai thực hiện và phổ biến đến tất cả giáo viên các nội dung trên nhằm thực hiện thành công nhiệm vụ năm học 2025 - 2026. Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo kịp thời cho Ban giám hiệu để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH Phường Chợ Quán (để b/c);
- CB-GV-NV trường;
- Khoa VTKH
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Cao Thiên Ái Nương



PHỤ LỤC 1

Hướng dẫn chuyên môn môn Tiếng Việt

(Ban hành theo Kế hoạch số 118/2025/KH-PENN ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Trường Tiểu học – Trung học cơ sở về Kế hoạch thực hiện Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 năm học 2025-2026)

1. Hướng dẫn chung

Giáo viên tiếp tục thực hiện nghiêm túc công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông. Cụ thể:

1.1. Đổi mới cách dạy và cách học môn Tiếng Việt

1.1.1. Đặc biệt chú trọng việc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong quá trình học tập Tiếng Việt; dành nhiều thời gian cho các hoạt động thực hành, vận dụng, trình bày, thảo luận để rèn luyện kỹ năng đọc, viết, nói, nghe và cảm thụ thẩm mỹ theo yêu cầu, mức độ với từng lớp học. Trong quá trình dạy học, giáo viên cần giao nhiệm vụ học tập rõ ràng, phù hợp với khả năng của học sinh; nêu cụ thể các yêu cầu về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành; chú trọng kiểm tra đánh giá, hỗ trợ, động viên học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập.

1.1.2. Xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học môn Tiếng Việt theo hướng tăng cường rèn luyện cho học sinh phương pháp đọc, viết, nói và nghe; thực hành, trải nghiệm tiếp nhận và vận dụng kiến thức tiếng Việt, văn học thông qua các hoạt động học ở trong và ngoài lớp học.

1.1.3. Đối với dạy đọc, xác định rõ mục đích giúp học sinh biết cách đọc và tự đọc hiểu được văn bản; thông qua đó hình thành phẩm chất, nhân cách học sinh. Coi ngữ liệu là phương tiện và việc tìm hiểu ngữ liệu là cách thức để hình thành, phát triển năng lực đọc hiểu văn bản. Bên cạnh việc giúp học sinh hiểu được nội dung và hình thức của văn bản, cần chú ý trang bị cho học sinh công cụ, cách thức để đọc hiểu các văn bản cùng thể loại hoặc loại hình với văn bản được học. Giáo viên có thể đưa ra những gợi ý, chỉ dẫn để giúp học sinh đọc nhưng không lấy việc phân tích, bình giảng của mình để áp đặt hay thay thế cho những suy nghĩ của học sinh, tránh đọc chép và yêu cầu học sinh ghi nhớ kiến thức một cách máy móc. Gắn dạy đọc với các hoạt động dạy viết, nói, nghe, thực hành tiếng Việt và các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với từng lớp học.

1.1.4. Đối với dạy viết, chú trọng yêu cầu học sinh hình thành ý tưởng, biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo, có sức thuyết phục để qua đó rèn luyện tư duy và cách viết các kiểu văn bản. Tập trung vào yêu cầu hướng dẫn học sinh thực hiện các bước tạo lập văn bản. Ở mỗi bước giáo viên có thể sử dụng, khai thác ngữ liệu minh họa một cách hợp lý, giúp học sinh hiểu được đặc điểm hình thức, ngôn ngữ, phương thức biểu đạt của từng kiểu văn bản; từ đó, giúp học sinh hình thành kỹ năng viết của mình. Xây dựng và tăng cường sử dụng các bài tập dạy viết gắn với các tình huống thực tiễn và giả định để

học sinh nhận thức được mối quan hệ giữa yêu cầu học viết trong nhà trường với nhu cầu tạo lập các sản phẩm viết trong đời sống.

1.2. Đổi mới cách đánh giá học sinh trong môn Tiếng Việt

1.2.1. Việc đánh giá học sinh trong môn Tiếng Việt cần đảm bảo nguyên tắc phát huy được những mặt tích cực của cá tính, trí tưởng tượng, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, năng lực tư duy hình tượng và tư duy logic của học sinh.

1.2.2. Tập trung thiết kế và sử dụng các câu hỏi, bài tập yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng đọc, viết, nói, nghe vào bối cảnh và ngữ liệu mới; tạo cơ hội để học sinh khám phá những tri thức mới, đề xuất ý tưởng và tạo ra sản phẩm mới; gợi mở những liên tưởng, tưởng tượng, huy động được vốn sống vào quá trình đọc, viết, nói, nghe.

1.2.3. Trong đánh giá kết quả học tập cuối học kì, cuối năm học, tránh dùng lại các văn bản đã học trong sách giáo khoa làm ngữ liệu xây dựng các đề kiểm tra đọc hiểu và viết để đánh giá chính xác năng lực học sinh, khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn.

1.2.4. Khuyến khích việc xây dựng và sử dụng các đề mở trong kiểm tra, đánh giá để phát huy cao nhất khả năng sáng tạo của học sinh. Xây dựng bộ công cụ đánh giá để hạn chế tính chủ quan, cảm tính của người chấm. Khi nhận xét, đánh giá các sản phẩm của học sinh, cần tôn trọng và khuyến khích cách nghĩ, cách cảm riêng của học sinh trên nguyên tắc không vi phạm những chuẩn mực đạo đức, văn hóa và pháp luật.

1.3. Tăng cường quản lý, chỉ đạo hoạt động dạy học môn Tiếng Việt

1.3.1. Phó Hiệu trưởng hướng dẫn các tổ chuyên môn xây dựng và tổ chức góp ý kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt theo hướng dẫn tại Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; theo dõi, giám sát quá trình thực hiện đổi mới dạy học và kiểm tra, đánh giá trong môn Tiếng Việt; tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích giáo viên tích cực, chủ động, sáng tạo trong dạy học và kiểm tra, đánh giá.

1.3.2. Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ, nhóm chuyên môn đối với môn Tiếng Việt dựa trên Nghiên cứu bài học. Tăng cường các hoạt động dự giờ để giáo viên có cơ hội chia sẻ kinh nghiệm trong dạy học môn Tiếng Việt theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Tăng cường các hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về xây dựng kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt thông qua hội nghị, hội thảo học tập, giao lưu giữa các nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và sách giáo khoa mới.

2. Hướng dẫn cụ thể

2.1. Về yêu cầu cần đạt

Tiếp tục nghiên cứu sâu Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn để nắm chắc yêu cầu cần đạt đối với các mạch kiến thức, kỹ năng ở từng khối lớp; sự phát triển, mở rộng cũng như mối liên hệ về yêu cầu cần đạt giữa các khối lớp.

Trên cơ sở nghiên cứu kỹ yêu cầu cần đạt đối với từng mạch kiến thức, kỹ năng của từng khối lớp cũng như đối tượng học sinh và điều kiện thực tiễn địa phương, giáo viên linh hoạt chia mỗi yêu cầu thành các chặng để thuận tiện xây dựng kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt.

2.2. Về nội dung dạy học

Khuyến khích giáo viên linh hoạt điều chỉnh thời lượng tổ chức dạy học các chủ đề, chủ điểm, bài học, hoạt động học tập cho phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tiễn địa phương.

Khuyến khích giáo viên điều chỉnh, thay mới một số ngữ liệu không phù hợp trong sách giáo khoa (nếu có); nếu lựa chọn sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa thì phải đảm bảo ngữ liệu có nguồn gốc rõ ràng, mang tính giáo dục cao, phù hợp với yêu cầu cần đạt và nội dung giảng dạy; sử dụng ngữ liệu mới trong các tiết thực hành, các bài tập mở rộng; đặc biệt là trong việc ra đề kiểm tra, đánh giá định kì cuối mỗi kì.

Nghiên cứu để thực hiện tích hợp phù hợp và hiệu quả các nội dung giáo dục lí tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống; quyền con người; tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước và giáo dục STEM trong kế hoạch dạy học môn học cũng như từng bài học cụ thể.

2.3. Về phương pháp, kĩ thuật dạy học

Khuyến khích giáo viên sáng tạo trong đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh; linh hoạt sử dụng đồ dùng dạy học truyền thống kết hợp với hiện đại; chú trọng dạy học phân hóa đối tượng, tạo điều kiện cho học sinh phát triển toàn diện, năng động, tránh bám sát sách giáo khoa và sách giáo viên một cách máy móc dẫn đến gò bó, khô cứng trong các giờ dạy Tiếng Việt.

Tiếp tục thực hiện dạy học Tiếng Việt theo hướng tiếp cận giáo dục Học thông qua Chơi.

2.4. Về phương tiện dạy học

Khuyến khích giáo viên sử dụng kết hợp phương tiện dạy học truyền thống và hiện đại, khai thác tối ưu sách giáo khoa trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học.

2.5. Về phương pháp, kĩ thuật đánh giá

Thực hiện đánh giá thường xuyên và định kì môn Tiếng Việt theo Thông tư 27; khuyến khích giáo viên bổ sung câu hỏi, bài tập mức độ 3 trong các bài dạy để phát triển năng lực tiếng Việt của học sinh; lựa chọn hình thức phù hợp để lưu giữ minh chứng đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt, đặc biệt đối với kỹ năng đọc, nói và nghe.

Xây dựng kế hoạch triển lãm, giới thiệu sản phẩm học tập môn Tiếng Việt của học sinh. Các trường tiếp tục nhân rộng mô hình Góc Tiếng Việt với hình thức linh hoạt: góc học tập tại lớp, mục trên trang thông tin của trường, góc Tiếng Việt trực tuyến, sinh hoạt Câu lạc bộ Tiếng Việt,... để giới thiệu, triển lãm sản phẩm học tập môn Tiếng Việt của học sinh, khuyến khích học sinh yêu thích và sáng tạo trong học tập Tiếng Việt. Tránh việc xây dựng Góc Tiếng Việt mang tính hình thức. Lựa chọn các sản phẩm sáng tạo để gửi đăng trên các tạp chí dành cho thiếu niên, nhi đồng. Kết hợp giới thiệu mô hình Góc Tiếng Việt có nhiều sáng tạo trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, hội họp,...

Đặc biệt chú trọng việc xây dựng ma trận, thiết kế đề kiểm tra định kì môn Tiếng Việt theo Thông tư 27, theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực học sinh. Xây dựng ma trận kiểm tra định kì cho cả năm học, từ đó xác định những kiến thức, kĩ năng cần đánh giá ở mỗi kì kiểm tra. Chú trọng thiết kế câu hỏi, bài tập yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng được học; hình thức câu hỏi đa dạng; tránh những câu hỏi, bài tập có đáp án không tường minh. Về hình thức, bài kiểm tra định kì cần được thiết kế khoa học, tích hợp các nội dung kiểm tra, tránh rườm rà. Không đưa hướng dẫn chấm dành cho giáo viên vào bài kiểm tra.

Chú trọng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động đọc sách, khuyến khích học sinh dành thời gian đọc sách, hướng tới hình thành và phát triển văn hóa đọc cho các em.

Đánh giá học sinh lớp 1 thực hiện theo công văn số 3863/GDĐT-TH ngày 18 tháng 11 năm 2020 Về hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.

Đánh giá học sinh lớp 2 và lớp 3 thực hiện theo mục 3, Phụ lục 1 công văn số 3392/SGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh Về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2022 - 2023.

Đánh giá học sinh lớp 4 thực hiện theo mục 3 Phụ lục 1 công văn số 4567/SGDĐT-GDTH ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh Về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023 - 2024.

Đánh giá học sinh lớp 5 thực hiện theo mục 3 Phụ lục 1 công văn số 5830/SGDĐT-GDTH ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh Về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2024 - 2025.

2.6. Về tổ chức chuyên đề tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn

Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tổ chức các chuyên đề Tiếng Việt theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn và sách giáo khoa mới giúp giáo viên hiểu sâu sắc chương trình, nắm được những điểm mới, nâng cao hiệu quả dạy và học Tiếng Việt trong nhà trường.

Căn cứ nhu cầu thực tiễn và thực trạng dạy học Tiếng Việt, mỗi tổ chuyên môn tổ chức chuyên đề môn Tiếng Việt trong năm học 2025-2026.

PHỤ LỤC 2

Hướng dẫn chuyên môn môn Toán

(Ban hành theo Kế hoạch số 118/2025/KH-PENN ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Trường Tiểu học – Trung học cơ sở về Kế hoạch thực hiện Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 năm học 2025-2026)

1. Hướng dẫn chung

Trên cơ sở mục tiêu và yêu cầu chung, giáo viên tiếp tục nghiên cứu, đảm bảo chất lượng dạy học môn Toán tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tổ chức dạy học môn Toán theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, đảm bảo tính tiếp nối và liên thông giữa các khối lớp.

Linh hoạt trong xây dựng kế hoạch dạy học để thực hiện chương trình, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn và đối tượng học sinh. Trong quá trình dạy học, khuyến khích giáo viên tích hợp nhiều nội dung giáo dục gắn với thực tế và gần gũi, thu hút được sự hứng thú của học sinh. Bên cạnh đó, cần chú ý rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống thực tiễn, với hoạt động thực hành, trải nghiệm. Chú trọng phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cũng như năng lực giải quyết vấn đề toán học để giúp học sinh khi đứng trước các vấn đề mới có thể chủ động tìm được cách giải quyết phù hợp. Bên cạnh đó, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới sáng tạo trong dạy học để phát triển năng lực cho học sinh. Khuyến khích giáo viên xây dựng học liệu số, bài giảng số cho môn Toán.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, nghiên cứu kĩ sách giáo khoa với tư cách là học liệu dạy học để sử dụng hiệu quả, điều chỉnh khi cần thiết. Sử dụng hiệu quả sách giáo khoa và ghi chép lại những nội dung cần điều chỉnh ở sách giáo khoa (nếu có). Chú trọng nghiên cứu sách giáo khoa Toán thuộc các bộ sách khác nhau để làm phong phú nguồn học liệu dạy học, đa dạng hệ thống bài tập. Chú trọng dạy học cá thể hóa, thiết kế các bài tập phù hợp cho các đối tượng học sinh trong lớp sao cho nội dung dạy học vừa sức song vẫn phát huy được khả năng sáng tạo và năng khiếu của học sinh.

Thiết kế kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Phụ lục 3, công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.

Các hoạt động thiết kế theo hướng tinh gọn, tập trung vào các hoạt động của học sinh, tránh diễn đạt dài dòng, trùng lặp. Chú trọng việc ghi chép nội dung điều chỉnh sau bài dạy. Tăng cường dạy học tích hợp và dạy học phân hóa đối tượng học sinh.

Tăng cường thực hiện Bài học STEM trong đó môn Toán là môn học chủ đạo hoặc môn học tích hợp, tham khảo một số chủ đề STEM từ tài liệu, sách báo; sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn>; từ đó mạnh dạn thiết kế các chủ đề STEM và tổ chức dạy học để rút kinh nghiệm.

Tiếp tục đổi mới đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT (Thông tư 27) ngày 4/9/2020 Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học với những phương pháp, kĩ thuật đánh giá đa dạng, chú trọng đánh giá quá trình. Khuyến khích giáo viên lưu giữ Hồ sơ học tập môn Toán và ghi Nhật kí dạy học làm minh chứng cho quá trình đánh giá.

Sử dụng đủ và hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định đối với môn Toán; có thể sử dụng đồ dùng dạy học tự làm phù hợp với nội dung học và đối

TR
TIỂU
H
NNS

tượng học sinh; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin, các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại một cách phù hợp và hiệu quả. Giáo viên cần tổ chức cho học sinh hoạt động, thao tác với đồ dùng, chú trọng thực hành và tăng cường áp dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

Tổ chức chuyên đề môn Toán giúp giáo viên hiểu sâu sắc chương trình, nắm được những điểm mới, nâng cao hiệu quả dạy và học trong nhà trường.

2. Hướng dẫn kiểm tra định kì môn Toán tiểu học

- Căn cứ vào mạch kiến thức theo từng giai đoạn để xác định tỉ lệ phần trăm của các mạch kiến thức. Ví dụ: Giai đoạn cuối năm ở lớp 5, mạch số và phép tính chiếm khoảng 50%, hình học đo lường chiếm khoảng 40%, một số yếu tố thống kê và xác suất chiếm khoảng 5% và hoạt động trải nghiệm chiếm khoảng 5%. Có thể linh hoạt lồng ghép các mạch kiến thức, đồng thời linh hoạt tăng giảm các tỉ lệ trong khoảng từ 5% - 10%.

- Đối với các chặng giữa học kì 1 (đối với lớp 4, 5), cuối học kì 1, giữa học kì 2 (đối với lớp 4, 5); cần căn cứ kế hoạch dạy học môn học của từng tổ khối để tính toán tỉ lệ các mạch kiến thức.

- Hình thức kiểm tra: kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận trong đó trắc nghiệm khoảng 30%, tự luận khoảng 70%.

- Tỉ lệ giữa các mức độ: mức 1 khoảng 50%, mức 2 khoảng 30%, mức 3 khoảng 20%.

- Thực hiện thiết kế ma trận ngay từ đầu năm học cho các chặng theo các bước cơ bản như sau:

+ Liệt kê các chủ đề, nội dung cần kiểm tra;

+ Viết các yêu cầu cần đạt, kiến thức kỹ năng cần đánh giá đối với mỗi cấp độ nhận thức, đồng thời căn cứ theo lượng kiến thức học sinh được tiếp nhận tính đến thời điểm kiểm tra (dựa vào kế hoạch dạy học môn học của tổ khối).

Tên nội dung, chủ đề, mạch kiến thức	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Số và phép tính	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra
Hình học và đo lường	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra
Một số yếu tố thống kê và xác suất	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra
Hoạt động thực hành và trải nghiệm	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra

+ Quyết định phân phối tỉ lệ % điểm cho mỗi chủ đề, nội dung, mạch kiến thức; tỉ lệ phần trăm số câu và số điểm cho mỗi mức độ nhận thức. Ví dụ:

Tên nội dung, chủ đề, mạch kiến thức	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng cộng
Số và phép tính	3 câu 3 đ	1 câu 1 đ	1 câu 1 đ	5 đ 50%
Hình học và đo lường	2 câu 1,5 đ	2 câu 2 đ	1 câu 1 đ	4,5 đ 45%

Một số yếu tố thống kê và xác suất	1 câu 0,5đ			0,5đ 5%
Hoạt động thực hành và trải nghiệm	Lồng ghép vào Hình học đo lường			
Tổng số câu Tổng số điểm	6 câu 5đ	3 câu 3đ	2 câu 2đ	

+ Tính tổng số điểm, tổng số câu hỏi cho mỗi cột và kiểm tra tỉ lệ phần trăm tổng số điểm phân phối cho mỗi cột. Ví dụ:

Tên nội dung, chủ đề, mạch kiến thức	Mức 1		Mức 2		Mức 3		TỔNG CỘNG	
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Số và phép tính	1 câu 1đ	2 câu 2đ		1 câu 1đ		1 câu 1đ	1 câu 1đ	4 câu 4đ
Hình học và đo lường	2 câu 1,5đ			2 câu 2đ		1 câu 1đ	2 câu 1,5đ	3 câu 3đ
Một số yếu tố thống kê và xác suất	1 câu 0,5đ						1 câu 0,5đ	
Tổng số câu Tổng số điểm	6 câu 5đ		3 câu 3đ		2 câu 2đ		4 câu 3đ	7 câu 7đ

+ Đánh giá, rà soát lại ma trận và chỉnh sửa nếu thấy cần thiết.

Lưu ý: Các ví dụ ở trên mang tính chất minh họa, các trường điều chỉnh lại cho phù hợp với kế hoạch dạy học môn học của từng khối lớp.

- Về thiết kế nội dung đề kiểm tra cần lưu ý:

+ Căn cứ vào ma trận đã thiết kế để xây dựng hệ thống câu hỏi, nên đa dạng hình thức trắc nghiệm. Nội dung cần tập trung kiểm tra sẽ được ưu tiên chọn trước, các nội dung khác sẽ được cân nhắc lựa chọn sau.

+ Các câu hỏi phải đảm bảo tính chặt chẽ, logic với câu lệnh rõ ràng, đủ ý, tránh những câu hỏi, bài tập không rõ ràng hoặc có đáp án không tường minh, gây tranh cãi. Tùy theo yêu cầu về mức độ câu hỏi, có thể tăng hoặc giảm độ khó bằng cách tăng hay giảm thông tin trong câu hỏi.

+ Thiết kế đề đánh giá định kì theo định hướng tiếp cận năng lực học sinh. Số lượng câu hỏi tùy mức độ quan trọng của mỗi nội dung cần đánh giá, lượng thời gian làm bài kiểm tra và số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng mức độ nhận thức.

- Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết. Đối với câu tự luận, căn cứ yêu cầu cần đạt; chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra để chia nhỏ thang điểm ở từng nội dung

PHỤ LỤC 3

Hướng dẫn chuyên môn môn Tự nhiên và Xã hội

(Ban hành theo Kế hoạch số 118/2025/KH-PENN ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Trường Tiểu học – Trung học cơ sở về Kế hoạch thực hiện Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 năm học 2025-2026)

1. Hướng dẫn dạy học môn Tự nhiên và Xã hội

1.1. Chú trọng các quan điểm dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2 và 3

- Đảm bảo sự phù hợp với mục tiêu giáo dục tiểu học và chương trình môn học.
- Chú trọng quan điểm dạy học tích hợp.
- Chú trọng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh.
- Đảm bảo tính thực tiễn và xoay quanh các mối quan hệ gần gũi, thân quen với học sinh tiểu học.
- Đảm bảo tính đa dạng, phù hợp với nhiều học sinh ở các vùng miền khác nhau.
- Chú trọng tính mở, linh hoạt cho người dạy và người học.

1.2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2 và 3

1.2.1. Phương pháp dạy học

- Định hướng chung về việc sử dụng phương pháp dạy học:
 - + Tổ chức cho HS được quan sát.
 - + Tổ chức cho HS được tương tác.
 - + Tổ chức cho HS được trải nghiệm.
 - + Lựa chọn và phối hợp sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau theo hướng linh hoạt, phù hợp, sáng tạo.
- Các nhóm phương pháp dạy học phù hợp với việc bồi dưỡng phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, lớp 2 và lớp 3.
- Tùy từng phần và nội dung của bài học, khi được trình bày với những mục đích khác nhau, giáo viên có thể khai thác và lựa chọn sử dụng những phương pháp dạy học đặc trưng khác nhau.

1.2.2. Hình thức tổ chức dạy học

Kết hợp nhiều hình thức tổ chức dạy học khác nhau như dạy học trên lớp, ngoài hiện trường, tham quan. Kết hợp sử dụng Tài liệu Giáo dục địa phương, lồng ghép, tích hợp trong các môn học có liên quan đến lịch sử và địa lí địa phương

2. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, lớp 2 và lớp 3

Một số đặc trưng của đánh giá phẩm chất, năng lực trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, lớp 2 và lớp 3:

- Quan tâm đánh giá phẩm chất của học sinh, chú trọng đến năng lực cá nhân, khuyến khích học sinh thể hiện cá tính và năng lực bản thân. Các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm của học sinh được đánh giá chủ yếu là bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của học sinh khi tham gia các hoạt động học tập của bài học.

- Đa dạng hoá các hình thức và công cụ đánh giá học sinh: Đánh giá qua lời nói, trả lời câu hỏi; Đánh giá qua phiếu bài tập, bài tự luận, trắc nghiệm...; Đánh giá các sản phẩm



quan sát, thực hành của nhóm, cá nhân; Đánh giá qua việc quan sát HS tham gia các hoạt động; Đánh giá qua sự phản hồi của các lực lượng giáo dục...

- Kết hợp đánh giá quá trình làm việc cá nhân với đánh giá sự hợp tác và làm việc nhóm, tập thể của học sinh.

- Không chỉ quan tâm đến kết quả của hoạt động mà còn chú trọng đến quá trình tạo ra sản phẩm của hoạt động, coi trọng ý tưởng sáng tạo, tinh thần làm việc để tạo ra sản phẩm trong quá trình học tập. Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì sau từng chủ đề nhằm điều chỉnh quá trình dạy học.

- Trọng tâm đánh giá môn học nhấn mạnh đến đánh giá năng lực của người học.

- Khuyến khích tự đánh giá và đánh giá chéo của cá nhân và các nhóm học sinh ở những thời điểm khác nhau trong quá trình dạy học. Đặc biệt là đánh giá cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức khoa học, tìm hiểu môi trường tự nhiên, xã hội và cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

- Đánh giá năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội: Căn cứ vào những biểu hiện cụ thể của năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội, giáo viên có thể thiết kế các câu hỏi, các bài tập để đánh giá năng lực khoa học của học sinh.

- Năng lực nhận thức khoa học: Có thể đánh giá thông qua việc yêu cầu học sinh nêu, mô tả, trình bày được một số sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội xung quanh; so sánh, lựa chọn và phân loại được các sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội theo một số tiêu chí.

- Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh: Có thể đánh giá thông qua việc học sinh đặt được câu hỏi, nêu thắc mắc về một số sự vật, hiện tượng; quan sát và tiến hành được các thao tác thực hành để nhận xét về đặc điểm của các sự vật, hiện tượng và mối quan hệ giữa chúng trong tự nhiên và xã hội.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Có thể đánh giá thông qua việc học sinh giải thích, phân tích một số tình huống có liên quan đến bài học; nhận xét, đánh giá cách ứng xử của mọi người xung quanh; nêu và thực hiện được cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống và chia sẻ với mọi người xung quanh cùng thực hiện.

PHỤ LỤC 4

Hướng dẫn chuyên môn môn Khoa học, Lịch sử và Địa lý

(Ban hành theo Kế hoạch số 118/2025/KH-PENN ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Trường Tiểu học – Trung học cơ sở về Kế hoạch thực hiện Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 năm học 2025-2026)

1. Hướng dẫn dạy học các môn Khoa học, Lịch sử - Địa lí

1.1. Nguyên tắc - Lịch sử và Địa lí ở cấp tiểu học là môn học bắt buộc, được tổ chức dạy và học ở lớp 4 và lớp 5.

- Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học gồm các mạch kiến thức và kỹ năng cơ bản, thiết yếu về địa lí, lịch sử của địa phương, vùng miền, đất nước Việt Nam, các nước láng giềng và một số nét cơ bản về địa lí, lịch sử thế giới. Nội dung chương trình môn Lịch sử và Địa lí còn liên quan trực tiếp với nhiều môn học và các hoạt động giáo dục khác như: Đạo đức, Tiếng Việt, Hoạt động trải nghiệm,....

- Khoa học: được xây dựng dựa trên nền tảng cơ bản, ban đầu của khoa học tự nhiên và các lĩnh vực nghiên cứu về giáo dục sức khỏe, giáo dục môi trường. Môn học chú trọng khơi dậy trí tò mò khoa học, bước đầu tạo cho học sinh cơ hội tìm hiểu, khám phá thế giới tự nhiên; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn, học cách giữ gìn sức khỏe và ứng xử phù hợp với môi trường sống xung quanh.

- Giáo viên cần động viên, khuyến khích học sinh tham gia nghiên cứu các dự án, các cuộc thi Đồ em hoặc tổ chức các cuộc thi có liên quan đến kiến thức lịch sử, địa lí, khoa học ...

1.2. Hình thức và phương pháp giáo dục:

1.2.1. Phương pháp giáo dục môn Lịch sử và Địa lí được thực hiện theo các định hướng chung sau:

a) Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; tập trung rèn luyện năng lực tự học, bồi dưỡng phương pháp học tập để học sinh có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn văn hóa cần thiết cho bản thân; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể.

c) Sử dụng hợp lý và có hiệu quả các thiết bị dạy học

1.2.2. Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

a) Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, giáo viên giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu như: yêu quý thiên nhiên, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường sinh thái xung quanh, yêu quý cộng đồng, yêu quê hương, quý trọng lịch sử và văn hóa dân tộc Việt Nam, tôn trọng sự khác biệt về văn hóa giữa các quốc gia và dân tộc trên thế giới.

b) Giáo viên tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động học tập nhằm góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung đã được xác định trong Chương trình tổng thể, cụ thể:

- Đối với năng lực tự chủ và tự học: Khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh tự mình thực hiện những nhiệm vụ được phân công khi học tập, tham quan; biết đặt ra các câu hỏi đơn giản, tự tìm kiếm và phân tích nguồn thông tin, trả lời câu hỏi về lịch sử và địa lí.

- Đối với năng lực giao tiếp và hợp tác: Khuyến khích và hướng dẫn học sinh diễn đạt ý kiến, tự tin khi đưa ra ý kiến, trao đổi, thảo luận khi có các quan điểm khác nhau; làm



việc theo nhóm, chia sẻ suy nghĩ, lắng nghe ý kiến của người khác, cùng nhau xây dựng ý tưởng trong quá trình học tập các vấn đề về lịch sử và địa lí.

- Đối với năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Khuyến khích và hướng dẫn học sinh phát hiện một số vấn đề trong cuộc sống, đặt câu hỏi, tìm thông tin, thực hiện các thao tác phân tích, tổng hợp, giải thích, so sánh,... để giải quyết vấn đề; có ý kiến, nhận xét, bình luận về các vấn đề địa lí và lịch sử trong cuộc sống xung quanh.

1.2.3. Phương pháp hình thành và phát triển năng lực đặc thù

- Chú trọng tổ chức các hoạt động dạy học giúp học sinh tự tìm hiểu, tự khám phá; rèn luyện cho học sinh biết cách sử dụng sách giáo khoa và các tài liệu học tập, suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới; phối hợp tự học với học tập, thảo luận theo nhóm, đóng vai, làm dự án nghiên cứu; đa dạng hoá các hình thức tổ chức học tập, kết hợp việc học trên lớp với các hoạt động xã hội; tổ chức, hướng dẫn và tạo cơ hội cho học sinh thực hành, trải nghiệm, tiếp xúc với thực tiễn để tìm kiếm, thu thập thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề.

- Trong dạy học lịch sử, chú trọng lời kể chuyện, dẫn chuyện. Giáo viên giúp cho học sinh làm quen với lịch sử địa phương, lịch sử dân tộc, lịch sử khu vực và thế giới thông qua việc kết hợp giữa kiến thức lịch sử cơ bản và các câu chuyện lịch sử; tạo cơ sở để học sinh bước đầu nhận thức về khái niệm thời gian, không gian; đọc hiểu các nguồn sử liệu đơn giản về sự kiện, nhân vật lịch sử;... Đối với địa lí, dạy học gắn liền với việc khai thác kiến thức từ các nguồn tư liệu lược đồ, bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh, số liệu; chú trọng dạy học khám phá, quan sát thực địa; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh như: thảo luận, đóng vai, làm dự án nghiên cứu,... nhằm khơi dậy và nuôi dưỡng trí tò mò, sự ham hiểu biết khám phá của học sinh đối với thiên nhiên và đời sống xã hội, từ đó hình thành năng lực tự học và khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn.

- Giáo viên tổ chức các hoạt động dạy học ở ngoài lớp học và ngoài khuôn viên nhà trường như gặp gỡ các cá nhân, tập thể đã trực tiếp tham gia vào các sự kiện lịch sử, các hoạt động xã hội; tham quan các cảnh quan, di tích lịch sử - văn hóa, triển lãm, bảo tàng;...

- Chú trọng vận dụng hình thức dạy học ngoài trời, hoạt động ngoại khóa gắn với nội dung kiến thức chương trình học, kết hợp sử dụng tài liệu Giáo dục địa phương Thành phố Hồ Chí Minh trong các buổi học tập ngoại khóa và sử dụng lồng ghép, tích hợp trong các môn học có liên quan đến lịch sử và địa lí cũng như kiến thức về thiên nhiên, môi trường sống. Chú trọng thực hiện kế hoạch giảng dạy về chủ đề Địa phương em đối với khối lớp 4 đảm bảo mạch kiến thức cần đạt theo nội dung đã được tập huấn bồi dưỡng hè.

1.2.4. Phương pháp giáo dục môn Khoa học được thực hiện theo các định hướng chung nêu tại Chương trình tổng thể, bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Tổ chức các hoạt động học tập phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Chú trọng tạo cơ hội cho học sinh học qua trải nghiệm; học qua điều tra, khám phá thế giới tự nhiên, qua quan sát, thí nghiệm, thực hành, xử lí tình huống thực tiễn, qua hợp tác, trao đổi với bạn; học ở trong và ngoài lớp học, ngoài khuôn viên nhà trường.

b) Dạy học gắn liền với thực tiễn; rèn luyện năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề trong đời sống thực của học sinh.

c) Vận dụng các phương pháp giáo dục một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể; quan tâm đến hứng

thú và chú ý tới sự khác biệt về khả năng của học sinh để áp dụng phương pháp dạy học phù hợp, hiệu quả nhằm hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực ở mỗi học sinh.

1.2.5. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

a) Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu Thông qua các hoạt động quan sát, thí nghiệm, thực hành trải nghiệm, điều tra, khám phá thế giới tự nhiên, học sinh được bồi dưỡng tình cảm yêu quý, trân trọng con người; tình yêu thiên nhiên và ý thức bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; ý thức giữ vệ sinh cá nhân, vệ sinh ăn uống, vệ sinh môi trường và phòng tránh dịch bệnh; ý thức tự giác rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe, giữ an toàn cho bản thân và người khác; ý thức sử dụng tiết kiệm các đồ dùng, vật dụng và năng lượng trong cuộc sống; ham tìm hiểu, tích cực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống hằng ngày.

b) Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

- Để góp phần hình thành, phát triển năng lực tự chủ và tự học ở học sinh, giáo viên đưa ra các nhiệm vụ học tập như quan sát mẫu vật hoặc tranh ảnh, đọc thông tin trong sách, khai thác các nguồn tư liệu bổ trợ, ... và những câu hỏi định hướng để học sinh tìm và ghi lại thông tin; tạo điều kiện cho học sinh tự xác định vấn đề cần tìm hiểu, lập kế hoạch và thực hiện việc tìm hiểu; yêu cầu học sinh tự nhận xét, đánh giá về việc học; giúp học sinh tích cực, tự lực chiếm lĩnh kiến thức, biết cách học độc lập.

- Để góp phần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác ở học sinh, giáo viên tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm hoặc cả lớp; yêu cầu học sinh trao đổi, chia sẻ thông tin đã thu thập được hoặc nội dung bài học (bằng lời nói, viết, vẽ,...) và cùng nhau hợp tác để hoàn thành sản phẩm học tập chung; tạo điều kiện để học sinh nhận xét, góp ý cho các sản phẩm học tập của học sinh khác, nhóm khác.

- Để góp phần hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở học sinh, giáo viên thiết kế các tình huống có vấn đề, tạo điều kiện cho học sinh tham gia tích cực vào giải quyết vấn đề; sử dụng các câu hỏi, bài tập, tình huống có nội dung thực tiễn, tạo điều kiện cho học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tế cuộc sống; các câu hỏi mở, bài tập có nhiều cách giải hoặc các nhiệm vụ học tập (bài tập, trò chơi,...) đòi hỏi sự sáng tạo; các câu hỏi, nhiệm vụ học tập phân hoá cho các nhóm đối tượng học sinh.

1.2.6. Phương pháp hình thành, phát triển năng lực khoa học tự nhiên

a) Để hình thành và phát triển thành phần năng lực nhận thức khoa học tự nhiên, giáo viên tạo cơ hội cho học sinh huy động những hiểu biết, kinh nghiệm sẵn có để tham gia hình thành kiến thức mới; tổ chức các hoạt động trong đó học sinh được trình bày hiểu biết, nhận xét, so sánh, phân loại các sự vật, hiện tượng tự nhiên xung quanh; giải thích một số mối quan hệ đơn giản, thường gặp trong tự nhiên và đời sống; hệ thống hoá kiến thức, kết nối kiến thức mới với hệ thống kiến thức đã có.

b) Để hình thành và phát triển thành phần năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh, giáo viên tạo cơ hội để học sinh được đề xuất câu hỏi, đưa ra dự đoán về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và đời sống và phương án kiểm tra dự đoán; thu thập các thông tin về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và đời sống bằng nhiều cách khác nhau; sử dụng các thiết bị đơn giản để quan sát, thực hành, làm thí nghiệm tìm hiểu những sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và ghi lại các dữ liệu đơn giản rút ra nhận xét, kết luận về đặc điểm và mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng cần tìm hiểu.

01
TRƯỜNG
TIỂU
HỌC
HUYỆN
'ENNSU
★

c) Để hình thành và phát triển thành phần năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn, giáo viên sử dụng những câu hỏi, bài tập đòi hỏi học sinh phải vận dụng các kiến thức, kĩ năng,... đã học để giải quyết các nhiệm vụ học tập trong bối cảnh, tình huống mới, gắn với thực tế cuộc sống, vừa sức với học sinh; tạo cơ hội cho học sinh liên hệ, vận dụng phối hợp kiến thức, kĩ năng từ các lĩnh vực khác nhau trong môn học và các môn học khác như Toán, Tin học và Công nghệ,... vào giải quyết những vấn đề thực tế trong cuộc sống ở mức độ phù hợp với khả năng của học sinh.

- Khuyến khích giáo viên có nhiều hình thức tổ chức cho học sinh tiếp cận với thực hành thí nghiệm, phương pháp giáo dục STEM, bài học STEM và các hoạt động trải nghiệm, hành trình sáng tạo STEM liên quan đến các kiến thức nền môn Khoa học và các môn học khác..

2. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các môn Khoa học, Lịch sử - Địa lí

2.1. Lưu ý chung

Kiểm tra định kì cuối học kì I và cuối năm. Học sinh làm một bài kiểm tra môn Khoa học, một bài kiểm tra cho môn Lịch sử - Địa lí, mỗi bài trong thời gian 35 phút.

2.2. Hình thức đề kiểm tra

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức: câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan và câu hỏi dạng tự luận.

- Thực hiện soạn đề theo ma trận có 3 mức độ.

+ Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập; (50%)

+ Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự; (30%)

+ Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống. (20%)

- Số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra.

2.3. Cấu trúc đề kiểm tra môn Khoa học và Lịch sử - Địa lí:

* Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (nhiều lựa chọn, chọn Đúng - Sai, điền khuyết - viết tiếp, đối chiếu cặp đôi,...)

- Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi.

* Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn:

- Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình;

- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

- Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể;

- Không nên trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa;

- Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh;

- Mỗi phương án nhiễu phải hợp lý đối với học sinh chưa nắm vững kiến thức;

- Mỗi phương án sai xây dựng dựa trên các lỗi nhận thức sai lệch của học sinh;

- Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra;

- Phần lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn; - Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất;

- Hạn chế đưa ra phương án “Tất cả các đáp án trên đều đúng” hoặc “không có phương án nào đúng”.

* Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận

- Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình;

- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

- Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới;

- Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo;

- Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó;

- Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh;

- Yêu cầu học sinh phải hiểu và vận dụng nhiều, nâng cao hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin.

* Gợi ý ma trận tham khảo:



